TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tiến Dũng, ông Trần Hữu Linh
Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 361/2023/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST–HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu L, sinh năm 1994 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Tri C3, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk
Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Tri C3, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Võ Thị Thu L trình bày:

Chị với anh Lê Quang T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, anh T cờ bạc, không lo làm ăn dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, cháu Lê Quang T trình bày:

Sau khi ba mẹ cháu ly hôn, thì cháu tự nguyện ở với mẹ.

Tại bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 002/2012 ngày 02 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thể hiện nội dung:

Chị Võ Thị Thu L, sinh năm 1994 và anh Lê Quang T, sinh năm 1990 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 18 tháng 5 năm 2012.

Tại Biên bản xác minh ngày 01 tháng 11 năm 2023, ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cung cấp thông tin:

Quá trình chung sống, anh T và chị L phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, hai người không còn chung sống với nhau (Ly thân).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Chị L chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Anh T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần hai. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với anh T. Giao con chung cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị L và anh T là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Hiện nay, anh chị có nhiều mâu thuẫn nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị L khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh T có hộ khẩu thường trú ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa đã triệu tập nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, thì Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị L phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tranh chấp hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình trạng hôn nhân, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị L ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Anh T, chị L có 02 con chung là cháu Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2012 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2018. Hiện nay, hai cháu còn nhỏ. Chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, cháu T đồng ý ở với mẹ, còn anh T không hợp tác nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, do đó HĐXX giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Chị L) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Thu L ly hôn với anh Lê Quang T.

+ Về con chung: Giao các con chung (Lê Quang T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2012 và Lê Bảo N, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2018) cho chị Võ Thị Thu L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Anh T có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Thu L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện E theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0011688 ngày 11 tháng 10 năm 2023.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Chị Võ Thị Thu L có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Quang T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG